

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày: 05-01-2024

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đình;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;
Ông Lê Quang Đây.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Trủi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 9 năm 2023 và ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, thông báo mở phiên tòa số 223/TB-TA ngày 16 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Quốc Kh, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2023 (xin vắng).

Bị đơn: Chị Dương Tiểu Ng, sinh năm: 1991; địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982; địa chỉ ấp M, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú hiện nay: Khóm 3, phường T, TP C, tỉnh C; đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2023 (xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M trình bày yêu cầu:

Năm 2021, bà M làm chủ hội, chị Dương Tiểu Ng có tham gia 03 chung hội của hai dây hội, hội bỏ thăm cao hốt, chủ hội hưởng tiền huê hồng, cụ thể:

- Dây thứ nhất, mở ngày 30/5/2021 âm lịch, hội 5.000.000 đồng, có 37 chung, một tháng khai 02 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch, chị Ng tham gia 01 chung, hốt hội kỳ thứ 3, số tiền 150.300.000 đồng, sau khi hốt hội có đóng lại hội chết đến ngày 30/8/2022 ngưng đóng cho đến nay, dây hội này còn nợ 8 kỳ với số tiền 40.000.000 đồng, hội đã mãn;

- Dây thứ hai, mở ngày 10/02/2022 âm lịch, hội 5.000.000 đồng, có 37 chung, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 âm lịch hàng tháng, chị Ng tham gia 02 chung, đến kỳ hội thứ 3 thì hốt 01 chung số tiền 138.700.000 đồng, đến kỳ thứ 5 thì hốt chung thứ hai số tiền 134.950.000 đồng. Sau khi hốt hội có đóng hội chết đến hết 30/8/2022 thì ngưng; dây hội này nợ 24 kỳ là 240.000.000 đồng, tổng cộng nợ hai dây hội là 280.000.000 đồng.

Sau đó có trả 47.250.000 đồng, nên trừ lại chị Ng còn nợ 232.750.000 đồng. Nay yêu cầu thanh toán số tiền hội còn nợ là: 232.750.000 đồng.

Về lãi suất: Không yêu cầu.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2024, ông Nguyễn Văn Th là người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Dương Tiểu Ng trình bày:

Chị Ng có tham gia hai dây hội của bà M, dây hội ngày 30/5/2021 âm lịch, tháng khai 02 lần ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, gồm 30 hội viên có 37 chung, hội 5.000.000 đồng; dây hội thứ hai ngày 10/02/2022 âm lịch, tháng khai 02 lần vào ngày 10, 25 hàng tháng, hội 5.000.000 đồng, hội có 37 chung; đã hốt hai dây hội, sau đó có trả 47.250.000 đồng, còn nợ 232.750.000 đồng. Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà M, tuy nhiên yêu cầu Tòa xem xét giải quyết điều chỉnh số tiền phải hoàn trả lại cho bà M thực tế.

Do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên xin Tòa án xem xét cho được trả nhiều lần.

Tại phiên tòa, ngày 26/9/2023, bà M cho rằng số tiền 47.250.000 đồng là của mẹ và chồng của chị Ng cần trừ tiền hội để trả thay cho chị Ng; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc chị Ng thanh toán tiền hội còn nợ 232.750.000 đồng, về lãi suất không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tài liệu chứng cứ thu thập sau khi tạm ngừng phiên tòa không chuyển ngay cho Viện kiểm sát là vi phạm Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, quy định phối hợp giữa Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 217.250.000 đồng; Án phí bà M, chị Ng phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Ngọc M khởi kiện yêu cầu chị Dương Tiểu Ng có trách nhiệm thanh toán tiền hội còn nợ, bà M xác định hội do bà làm chủ không liên quan đến chồng bà M; việc tham gia chơi hội của bị đơn chỉ có một mình bị đơn tham gia giao dịch, việc ghi tên Ng – K1 là để phân biệt. Xét thấy giao dịch hội là cá nhân không liên quan đến người khác nên Tòa án không đưa thêm vào tham gia với tư cách liên quan là phù hợp.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Bà M khởi kiện chị Ng yêu cầu thanh toán tiền nợ hội, quan hệ pháp luật: “Tranh chấp tiền hội”.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Bà M khởi kiện cho rằng chị Ng nợ tiền hội do bà M làm chủ, việc chị Ng hốt hội không đóng hội chết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà M.

Xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền hội: Bà M khởi kiện chị Ng đòi tiền nợ hội của hai dây hội do bà là chủ hội, chị Ng là hội viên. Thấy rằng: Tại bản tự khai ngày 05/01/2024, đại diện bị đơn thừa nhận phía chị Ng còn nợ tiền hội bà M 232.750.000 đồng (bút lục số 99), việc thừa nhận nợ hội phù hợp với tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập (bút lục số 32, 33, 34); căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Từ những nhận định trên có cơ sở xác định chị Ng còn nợ tiền hội bà M là có thật. Tuy nhiên bà M xác định phía chị Ng ngừng đóng hội từ 30/8/2022 âm lịch. Thấy rằng, dây hội mở ngày 30/5/2021 âm lịch nếu ngưng đóng ngày 30/8/2022 âm lịch, tính đến mãn hội là ngày 30/11/2022 là còn 07 kỳ x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng.

Tương tự dây hội mở ngày 10/02/2022 âm lịch, ngưng đóng ngày 30/8/2022 âm lịch, tính đến mãn hội là ngày 10/7/2023 âm lịch là còn 23 kỳ x 02 chân x 5.000.000 đồng = 230.000.000 đồng (năm 2023 nhuận 02 tháng 02).

Tổng hai khoản là 265.000.000 đồng, có thanh toán 47.250.000 đồng, còn nợ lại 217.750.000 đồng.

Do đó, buộc chị Ng thanh toán cho bà M 217.750.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Chậm trả còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án trên tổng số tiền phải thi hành.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà M, số tiền không chấp nhận là 15.000.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu của đại diện bị đơn xin trả nhiều lần, xét thấy việc thanh toán cho nhau một lần hay nhiều lần không thuộc thẩm quyền của Tòa án, nên yêu cầu của đương sự không được xem xét.

[4] Đối với mẹ ruột và chồng chị Ng về việc trả nợ thay: Tại phiên tòa, bà M cho rằng số tiền 47.250.000 đồng là cần trừ tiền hụi bà Trần Thị N (mẹ chị Ng) và tiền của anh Kh (chồng chị Ng). Tòa án có văn bản gửi cho bà N và anh Kh hỏi có trả nợ thay và có yêu cầu gì đối với chị Ng không nhưng các đương sự không có ý kiến. Do đó, trường hợp các đương sự này có yêu cầu chị Ng hoàn trả số tiền trả nợ thay thì thương lượng với chị Ng, nếu không thương lượng thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên cho rằng không chuyển ngay văn bản thu thập tài liệu chứng cứ sau khi tạm ngừng phiên tòa cho Viện kiểm sát là vi phạm Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, quy định phối hợp giữa Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thấy rằng, việc không giao ngay văn bản không vi phạm về Tố tụng, vì từ thời điểm gửi văn bản cho Viện kiểm sát đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm thời gian là 27 ngày (gửi ngày 08/12/2023, ngày 05/01/2024 mới xét xử), đảm bảo thời gian cho Viện kiểm sát thực hiện quyền kiểm sát tuân theo pháp luật của mình.

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 217.750.000 đồng, án phí phải chịu là 10.887.500 đồng.

Bà M phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận là 15.000.000 đồng, án phí phải chịu là 750.000 đồng; bà có nộp tạm ứng án phí được khấu trừ, dư được nhận lại.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phưởng; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M, về việc khởi kiện chị Dương Tiểu Ng đòi tiền nợ hui.

Buộc chị Dương Tiểu Ng thanh toán tiền hui cho bà Nguyễn Ngọc M 217.750.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M, phần không chấp nhận là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp chị Ng, chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng chị Ng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Tiểu Ng phải chịu án phí có giá ngạch 10.887.500 đồng.

Bà M phải chịu án phí 750.000 đồng, có nộp tạm ứng án phí 5.819.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016203 ngày 10/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ, còn được nhận lại 5.069.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính